

Số ~~4208~~ /BGDDT - GDTCV/v hướng dẫn sơ kết 02 năm thực
hiện Quyết định số 1076/QĐ- TTg*Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2018**Kính gửi:*

- Các sở giáo dục và đào tạo;
- Các đại học, học viện;
- Các trường đại học, cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm.

Ngày 17 tháng 6 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1076/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án Tổng thể phát triển Giáo dục thể chất và thể thao trường học (gọi tắt là Quyết định 1076), với mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và thể thao trường học, nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực toàn diện, trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên của trẻ em, học sinh, sinh viên, góp phần nâng cao tầm vóc người Việt Nam; đồng thời phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao cho đất nước. Để tổng hợp và đánh giá kết quả sau 02 năm triển khai thực hiện Quyết định 1076, Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các sở giáo dục và đào tạo, các đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm (gọi tắt là cơ sở đào tạo) báo cáo sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Quyết định 1076, theo các nội dung, cụ thể như sau:

1. Tình hình tổ chức quán triệt nội dung Quyết định 1076 và các văn bản qui phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo về công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học.
2. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, gia đình, nhà trường, xã hội đối với phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học.
3. Tình hình thực hiện Chương trình Giáo dục thể chất, đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục thể chất trong trường phổ thông và cơ sở đào tạo.
4. Phát triển hoạt động thể thao trường học: Đổi mới nội dung, hình thức tổ chức hoạt động thể thao trường học; tổ chức giải thi đấu thể thao cho học sinh, sinh viên tại địa phương, đơn vị; phát triển các loại hình câu lạc bộ thể dục, thể thao trong trường học; tổ chức dạy và học bơi trong các cơ sở giáo dục phổ thông.
5. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, giảng viên Giáo dục thể chất (thể dục) trong trường phổ thông và cơ sở đào tạo: về số lượng, trình độ đào tạo, kết quả đào tạo, bồi dưỡng trong 02 năm thực hiện Quyết định 1076 của cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở đào tạo.

6. Kết quả tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học: Phòng học giáo dục thể chất, hệ thống sân chơi, trang thiết bị, đồ chơi phát triển vận động cho trẻ em; hệ thống sân tập, bể bơi, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở đào tạo.

7. Thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao và kết quả đẩy mạnh xã hội hóa đối với công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học của cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở đào tạo.

8. Công tác hợp tác quốc tế, tăng cường sự hỗ trợ của các quốc gia, các tổ chức, cá nhân nước ngoài đối với công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học tại địa phương, đơn vị.

9. Những vướng mắc khó khăn khi triển khai thực hiện Quyết định 1076 và kiến nghị, đề xuất.

(Tổng hợp số liệu theo mẫu gửi kèm)

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở đào tạo tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả 02 năm thực hiện Quyết định 1076 và gửi báo cáo kèm theo số liệu thống kê về Bộ trước ngày 20 tháng 10 năm 2018 (theo địa chỉ: Vụ Giáo dục Thể chất – Bộ Giáo dục và Đào tạo, 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội), ĐT. 0912728248, Email. tvlam@moet.gov.vn (ông Trần Văn Lam)./. *kh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDTC (5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Nghĩa

Phụ lục 1**Mẫu thống kê dành cho: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BẢNG THỐNG KÊ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTC**

(Tính đến 31/12/2018)

(Kèm theo Công văn số 4208/BGDĐT-GDTC ngày 15 tháng 9 năm 2018)

- Đơn vị báo cáo:

- Số điện thoại:

TT	CẤP HỌC	Tổng số trường	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Số trường dạy 2 tiết GDTC /tuần	Số trường dạy 1 tiết GDTC / tuần	Số trường thực hiện đổi mới PP dạy học và kiểm tra đánh giá GDTC	Tỷ lệ % số trường thực hiện đổi mới PP dạy học và kiểm tra đánh giá tăng so với trước 2015
2	Trường Tiểu học							
3	Trường THCS							
4	Trường THPT							
5	Trường có nhiều cấp học							

Phụ lục 2**BÁO CÁO TỔNG SỐ HỌC SINH, SINH VIÊN, THAM GIA TẬP LUYỆN TDTT NGOẠI KHÓA VÀ TỶ LỆ HS ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI THỂ LỰC THEO TUỔI**

TT	HỌC SINH	TỔNG SỐ HS THAM GIA TẬP LUYỆN TDTT NĂM 2018							Ghi chú
		Tổng số học sinh trong năm học 2018	TS học sinh tham gia tập luyện TDTT	Tỷ lệ%	Tỷ lệ % tăng so với trước năm 2015	TS học sinh đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực theo tuổi	Tỷ lệ% so với tổng số HS năm 2018	Tỷ lệ % tăng so với trước năm 2015	
1	Tiểu học								
2	Trường THCS								
3	Trường THPT								
4	Trường có nhiều cấp học								

TỔNG SỐ HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA (Giải thi đấu) ĐƠN VỊ TỔ CHỨC VÀ THAM GIA DÀNH CHO CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, HỌC SINH TRONG NĂM 2018

TT	CÁC CẤP TỔ CHỨC	TỔNG SỐ CÁC HOẠT ĐỘNG TDTT DO ĐƠN VỊ TỔ CHỨC NĂM 2018		TỶ LỆ % TĂNG SO VỚI NĂM 2015	TỔNG SỐ LẦN THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG TDTT CẤP TOÀN QUỐC DO BỘ TỔ CHỨC VÀ THÀNH TÍCH (2018)				TỶ LỆ % SỐ LẦN THAM GIA TĂNG SO VỚI NĂM 2015
		Cho CBGV	Cho HS		Cho CBGV	Thành tích (HC)	Cho HS	Thành tích (HC)	
1	Cấp Sở								
2	Cấp Phòng GD&ĐT								
3	Cấp trường								
	Tổng số								

Phụ lục 3

TỔNG SỐ CÁN BỘ GIÁO VIÊN GDTC ĐƯỢC BỒI DƯỠNG NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ TÍNH ĐẾN 31/12/2108

[illegible]

Phu lục 4**BÁO CÁO VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC GDTC, THỂ THAO TRƯỜNG HỌC**

TT	CÁC TRƯỜNG THUỘC TỈNH	SỐ LƯỢNG CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG											Tổng số công trình do ngành TĐTT Quản lý được phối hợp sử dụng cho GDTC và TT trường học (số lượng)
		Nhà tập (phòng GDTC)	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Sân tập cấp trường	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Bể bơi	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Sân chơi	CSVG khác	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Tổng số trường có đầy đủ trang thiết bị dụng cụ phục vụ dạy và học môn GDTC	Số lượng công trình xã hội hóa (tính chung tỷ lệ %)	
1	Trường Mầm non												
2	Trường Tiểu học												
3	Trường THCS												
4	Trường THPT												
5	Trường có nhiều cấp học												
	Tổng số:												

....., ngàythángnăm 2018

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên và đóng

Phụ lục 1**Mẫu thống kê dành cho: CƠ SỞ ĐÀO TẠO****BẢNG THỐNG KÊ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTC VÀ HOẠT ĐỘNG THỂ THAO**

(Tính đến 31/12/2018)

(Kèm theo Công văn số **4206** /BGDĐT-GDTC ngày **13** tháng **9** năm 2018)

- Đơn vị báo cáo:

- Số điện thoại:

TT	CẤP HỌC	Tổng số học sinh, sinh viên (trong năm 2018)	Tổng số giờ dạy GDTC (theo chương trình đào tạo, chứng chỉ quy ra giờ dạy)	GDTC tập trung dạy trong 1 học kỳ của khóa đào tạo	GDTC tập trung dạy trong 2 học kỳ của khóa đào tạo	GDTC dạy trong 3-4 học kỳ của khóa đào tạo	TS học sinh, SV tham gia tập luyện TDTT	TS HS,SV đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực theo tuổi	Tỷ lệ % tăng so với trước năm 2015	GHI CHÚ
1	Trình độ đại học									
2	Trình độ cao đẳng									
3	Trình độ trung cấp									

TỔNG SỐ HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA (Giải thi đấu) ĐƠN VỊ TỔ CHỨC CHO CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, HỌC SINH, SINH VIÊN NĂM 2018

TT	CÁC CẤP TỔ CHỨC	TỔNG SỐ CÁC HOẠT ĐỘNG TDTT DO ĐƠN VỊ TỔ CHỨC NĂM 2018		TỶ LỆ % TĂNG SO VỚI NĂM 2015	TỔNG SỐ LẦN THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG TDTT CẤP TOÀN QUỐC DO BỘ TỔ CHỨC VÀ THÀNH TÍCH (2018)				TỶ LỆ % SỐ LẦN THAM GIA TĂNG SO VỚI NĂM 2015
		Cho CBGV	Cho HS, SV		CBGV	Thành tích (HC)	HS,SV	Thành tích (HC)	
1	Cấp khu vực								
2	Cấp trường								
3	Cấp khoa								
	Tổng số								

Phụ lục 2

**TỔNG SỐ CÁN BỘ GIÁO VIÊN GIẢNG VIÊN GDTC ĐƯỢC BỒI DƯỠNG NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN
MÔN NGHIỆP VỤ TÍNH ĐẾN NĂM 2018**

TS GV GDTC hiện nay (2018)	Tỷ lệ % tăng so với năm 2015	Trình độ				TỔNG SỐ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN GDTC ĐƯỢC BỒI DƯỠNG			TỶ LỆ % TĂNG SO VỚI NĂM 2015
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Trình độ khác	Cấp bộ	Cấp trường	TỔNG SỐ	

Phụ lục 3

TỔNG HỢP CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC GDTC, THỂ THAO TRƯỜNG HỌC

SỐ LƯỢNG CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG											Ghi chú
Nhà tập (phòng GDTC)	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Sân tập (sân vận động) cấp trường	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Bể bơi	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Các sân thể thao khác (bóng chuyền, cầu lông..)	Tỷ lệ % tăng so với 2015	Tổng số trang thiết bị dụng cụ phục vụ dạy và học môn GDTC (đảm bảo bao nhiêu % nhu cầu)	Số lượng công trình xã hội hóa (tính chung tỷ lệ %)	Tổng số công trình do ngành TDTT Quản lý được phối hợp sử dụng cho GDTC và TT trường học (số lượng)	

....., ngàythángnăm 2018

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên và đóng